

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CÁC KIỂU CẤU TẠO THUẬT NGỮ DU LỊCH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

SOME STRUCTURAL TYPES OF TOURISM TERMINOLOGIES
IN VIETNAMESE AND ENGLISH

LÊ THANH HÀ

(ThS-NCS; Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa)

Abstract: The study on structural types of tourism terminologies, especially the phrasal ones is very necessary. It helps to find out the popular types with high productivity to emulate or analogy in creating new tourism terminologies and in standardizing the existing ones as well.

Key words: structural types; tourism terminology; Vietnamese and English; popular types; emulate; analogy; standardize.

1. Thuật ngữ du lịch (TNDL) có thể hiểu là "là những từ và cụm từ cố định gọi tên chính xác các khái niệm và đối tượng thuộc lĩnh vực du lịch". Toàn bộ các thuật ngữ được sử dụng trong chuyên ngành du lịch lập thành hệ thuật ngữ du lịch. Đơn vị cơ sở để cấu tạo thuật ngữ tiếng Việt là *thuật tố* (Nguyễn Đức Tồn, 2012). Đây là thành tố cấu tạo trực tiếp cuối cùng của một thuật ngữ.

Chúng tôi tiến hành thu thập các TNDL trong tiếng Việt và tiếng Anh dựa trên các cuốn từ điển TNDL bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, chúng tôi thu thập từ các nguồn bổ sung là một số giáo trình, sách báo, tạp chí về du lịch bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Sau đây chúng tôi sẽ tiến hành phân tích, đối chiếu các mô hình cấu tạo của hệ TNDL trong tiếng Việt và tiếng Anh. Chúng tôi kí hiệu T1 là thuật tố thứ nhất, T2 là thuật tố thứ hai và Tn là thuật tố thứ n.

1. Mô hình cấu tạo 1 (Nhóm TNDL gồm 2 thuật tố):

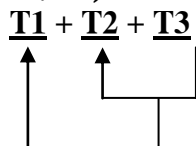


- *Thuật ngữ du lịch tiếng Việt:* Có 512/1500 TNDL có mô hình cấu tạo như trên, chiếm 34,13%. Ví dụ, trong thuật ngữ *khách sạn sân bay* và *thủ tục nhập cảnh* thì *khách sạn*, *thủ tục* là các thuật tố đóng vai trò là thành phần chính, cơ bản vì chúng mang tính chất chỉ loại. Các thuật tố thứ hai như *sân bay*, *nhập cảnh* là các thành phần phụ nghĩa, chỉ đặc trưng bản chất được chọn làm cơ sở định danh khái niệm. Các thuật tố thứ hai này cụ thể hóa ý nghĩa các thuật tố thứ nhất.

- *Thuật ngữ du lịch tiếng Anh:* Có 675/1500 TNDL được cấu tạo theo mô hình nêu trên, chiếm 45%. Ví dụ, trong thuật ngữ *adventure tourism* (du lịch mạo hiểm) và *baggage insurance* (bảo hiểm hành lý), các thuật tố đứng thứ hai như *tourism*, *insurance* đóng vai trò là thành phần chính, mang tính chất chỉ loại; các thuật tố thứ nhất như *adventure*, *baggage* là các thành phần phụ nghĩa, chỉ đặc trưng bản chất được chọn làm cơ sở định

danh khái niệm (vì theo theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh thành phần phụ làm định ngữ đứng trước, còn danh từ chính được định ngữ đứng sau).

2. Mô hình cấu tạo 2 (nhóm TNDL gồm 3 thuật tố)

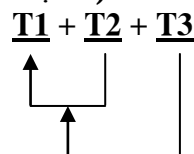


- *Thuật ngữ du lịch tiếng Việt*: Có 171/1500 TNDL thuộc mô hình 2, chiếm 11,4%. Ví dụ, trong thuật ngữ *thị trường khách du lịch* và *quy trình trả phòng*, các thuật tố thứ nhất như *thị trường*, *quy trình* là các thuật tố khái quát nhất, các thuật tố chỉ loại duy nhất, được khu biệt nghĩa bởi các thuật tố cụ thể hơn là kết hợp của các thuật tố thứ hai và thứ ba. Các thuật tố đứng thứ hai và thứ ba kết hợp với nhau tạo thành cụm từ chính phụ định ngữ cho thuật tố thứ nhất. Trong cụm từ chính phụ này, các thuật tố đứng vị trí thứ hai trong thuật ngữ như: *khách*, *trả* là các thuật tố mang nghĩa khái quát và là thành phần được định ngữ trong cụm từ. Các thuật tố đứng thứ ba trong thuật ngữ như: *du lịch*, *phòng* là các thuật tố cụ thể hóa ý nghĩa cho thuật tố thứ hai. Tổ hợp các thuật tố thứ hai và ba này nêu đặc trưng bản chất được chọn làm cơ sở định danh khái niệm mà thuật ngữ biểu hiện.

- *Thuật ngữ du lịch tiếng Anh*: Có 19/1500 TNDL được cấu tạo theo mô hình 2, chiếm 1,26%. Ví dụ, trong thuật ngữ *senior tour guide* (hướng dẫn viên cao cấp) và *domestic independent tour* (chuyến du lịch độc lập trong nước), thuật tố đứng thứ ba như *guide*, *tour* là các thuật tố chính, chỉ loại duy nhất, mang tính khái quát nhất; các thuật tố đứng thứ hai như *tour*, *independent* kết hợp với các thuật tố thứ ba tạo thành cụm từ chính phụ, trong đó thuật tố thứ 2 là thành tố phụ định ngữ, cụ thể hóa ý nghĩa cho thuật tố thứ ba (trật tự này ngược lại với thuật ngữ tiếng Việt). Các thuật tố đứng

thứ nhất như *senior*, *domestic* là thuật tố phụ định ngữ cho cả cụm từ chính phụ do thuật tố 2 kết hợp với thuật tố 3 tạo thành.

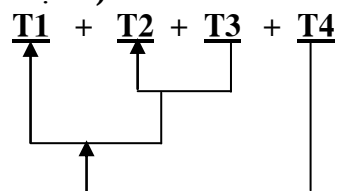
3. Mô hình cấu tạo 3 (nhóm TNDL gồm 3 thuật tố)



- *Thuật ngữ du lịch tiếng Việt*: Có 425/1500 TNDL thuộc mô hình này, chiếm 28,33%. Ví dụ, trong thuật ngữ *đăng ký phòng tự động* và *phòng trống sạch*, các thuật tố thứ hai như *phòng*, *trống* được bổ sung vào sau thuật tố thứ nhất và xác định nghĩa trực tiếp cho thuật tố thứ nhất. Trong đó, thuật tố thứ hai giữ vai trò thành tố phụ, thuật tố thứ nhất giữ vai trò thành tố chính; thuật tố thứ ba như *tự động*, *sạch* là các thành tố phụ định ngữ, cụ thể hóa đặc điểm, tính chất cho cả tổ hợp gồm thuật tố thứ nhất và thuật tố thứ hai.

- *Thuật ngữ du lịch tiếng Anh*: Có 117/1500 TNDL thuộc mô hình này, chiếm 7,8%. Ví dụ, trong thuật ngữ *inbound tour operator* (nhà điều hành tour du lịch quốc nội) và *room reservation form* (mẫu phiếu đặt phòng), các thuật tố thứ ba như *operator*, *form* là các thuật tố mang ý nghĩa khái quát nhất, là các thuật tố chỉ loại, được khu biệt nghĩa bởi các thuật tố cụ thể hơn - đó là cụm từ chính phụ gồm các thuật tố thứ nhất (làm thành phần phụ) như *inbound*, *room* kết hợp với thuật tố thứ hai (làm thành phần chính) như: *tour*, *reservation* biểu hiện đặc trưng cơ bản, bản chất và bổ nghĩa cho thuật tố thứ ba.

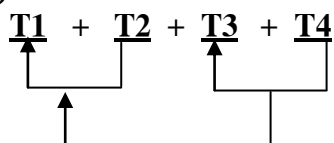
4. Mô hình cấu tạo 4 (nhóm TNDL gồm 4 thuật tố)



- *Thuật ngữ du lịch tiếng Việt*: Có 14/1500 TNDL thuộc mô hình cấu tạo 4, chiếm 0,93%. Ví dụ, trong thuật ngữ *vé lên tàu tự động* và *luồng khách du lịch quốc tế*, các thuật tố thứ nhất như *vé*, *luồng* là thuật tố chỉ loại khái quát nhất. Các thuật tố thứ hai như *lên*, *khách* kết hợp với các thuật tố thứ ba như *tàu*, *du lịch* trong đó thuật tố thứ hai là thuật tố chính, còn thuật tố thứ ba là thuật tố phụ định ngữ cho thuật tố thứ hai. Các thuật tố hai và ba cụ thể hóa về ý nghĩa cho thuật tố thứ nhất. Thuật tố thứ tư kết hợp vào vị trí cuối cùng để cụ thể hóa và làm rõ nghĩa của tổ hợp thuật tố thứ nhất, thứ hai và thứ ba đứng trước nó.

- *Thuật ngữ du lịch tiếng Anh*: Có 06/1500 TNDL thuộc mô hình này, chiếm 0,4%. Ví dụ, trong thuật ngữ *automatic check in process* (quy trình làm thủ tục nhận phòng tự động) và *revenue passenger load factor* (ước số tải doanh thu hành khách), các thuật tố thứ tư *process*, *factor* là những thuật tố chỉ loại, mang nghĩa khái quát nhất. Các thuật tố thứ hai *check*, *passenger* kết hợp với các thuật tố thứ ba là *in* và *load*, trong đó thuật tố thứ hai là thuật tố chính, thuật tố thứ ba là thuật tố phụ, cụ thể hóa ý nghĩa cho thuật tố thứ hai. Các thuật tố thứ nhất tiếp tục kết hợp với cả tổ hợp gồm thuật tố thứ hai và thứ ba, trong đó tổ hợp gồm thuật tố thứ hai và thuật tố thứ ba là thành phần chính, còn thuật tố thứ nhất là thành phần phụ định ngữ. Các thuật tố đứng trước thuật tố thứ tư nhằm cụ thể hóa và làm rõ nghĩa cho thuật tố thứ tư.

5. Mô hình 5 (nhóm TNDL gồm 4 thuật tố)

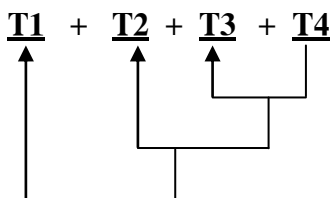


- *Thuật ngữ du lịch tiếng Việt*: Có 63 TNDL thuộc mô hình này, chiếm 4,2%. Ví dụ, trong thuật ngữ *bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch* và *quản lý điều hành tour du lịch*, các thuật tố đứng thứ nhất như *bảo vệ*, *quản lý* là những thuật tố chỉ loại duy nhất, mang nghĩa khái quát nhất. Các thuật tố đứng thứ hai như *tôn tạo*, *điều hành* bổ nghĩa trực tiếp cho thuật tố thứ nhất, cụ thể hóa các đặc điểm, tính chất, thuộc tính cho đối tượng mà thuật ngữ biểu thị. Các thuật tố thứ nhất và thuật tố thứ hai kết hợp với nhau, trong đó thuật tố thứ hai là thành tố phụ xác định nghĩa cho thành tố thứ nhất. Các thuật tố đứng thứ ba như *tài nguyên*, *tour* đóng vai trò thành phần chính kết hợp với các thuật tố đứng thứ tư như *du lịch* đóng vai trò thành phần phụ, tạo thành tổ hợp chính phụ để xác định và cụ thể hóa về ý nghĩa cho cả tổ hợp gồm thuật tố thứ nhất kết hợp với thuật tố thứ hai.

- *Thuật ngữ du lịch tiếng Anh*: Có 9/1500 TNDL có cấu tạo thuộc mô hình này, chiếm 0,6%. Ví dụ, trong thuật ngữ trong thuật ngữ *full service travel agency* (đại lý du lịch có dịch vụ đầy đủ) và *multi unit corporate restaurant* (chuỗi nhà hàng), các thuật tố đứng thứ tư như *agency*, *restaurant* là thuật tố chỉ loại, mang nghĩa khái quát nhất. Các thuật tố đứng thứ ba như *travel*, *corporate* đứng trước thuật tố thứ tư và bổ nghĩa trực tiếp cho thuật tố thứ tư, cụ thể hóa các đặc điểm, tính chất, thuộc tính của đối tượng do thuật ngữ biểu thị. Các thuật tố thứ nhất và thuật tố thứ hai kết hợp với nhau theo quan hệ chính phụ, trong đó thành tố phụ đứng trước thành tố chính. Các thuật tố đứng thứ hai như *service*, *unit* là yếu tố chỉ loại khái quát. Các thuật tố đứng thứ nhất như *full*, *multi* là đặc trưng bản chất được thêm vào trước thuật tố thứ hai. Thuật tố đứng thứ nhất này cụ thể hơn thuật tố thứ hai để miêu tả thuật tố thứ hai. Thuật tố thứ nhất và thứ hai kết hợp với nhau, trong đó thuật tố thứ

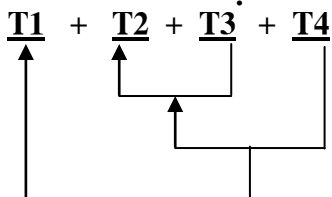
hai là thuật tố chính, thuật tố thứ nhất là thuật tố cụ thể hóa nghĩa của thuật tố thứ hai.

6. Mô hình 6:



Kết quả khảo sát hai hệ thuật ngữ cho thấy, hệ TNDL tiếng Anh không có thuật ngữ nào được cấu tạo theo mô hình này. Có 26/1500 TNDL tiếng Việt thuộc mô hình này, chiếm 1,74%. Ví dụ, trong thuật ngữ *phòng khách sắp trả và thời gian đăng kí làm thủ tục*, các thuật tố thứ nhất như *phòng*, *thời gian* là những thuật tố chỉ loại, mang nghĩa khái quát nhất, được xác định bởi tổ hợp gồm thuật tố thứ hai kết hợp với tổ hợp của các thuật tố thứ ba và thứ tư. Các thuật tố thứ hai và thứ ba, thứ tư kết hợp với nhau tạo thành tổ hợp chính phụ, trong đó thuật tố thứ hai như *khách*, *đăng ký* là thành tố chính, tổ hợp gồm các thuật tố thứ ba như *sắp*, *làm* và các thuật tố thứ tư như *trả*, *thủ tục* là thành phần phụ, trong đó thuật tố thứ ba là chính, thuật tố thứ tư là phụ.

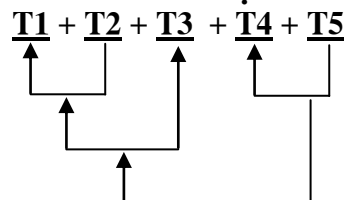
7. Mô hình cấu tạo 7



Kết quả khảo sát hai hệ thuật ngữ cho thấy, hệ TNDL tiếng Anh không có thuật ngữ nào được cấu tạo theo mô hình này. Có 40/1500 TNDL tiếng Việt thuộc mô hình này, chiếm 2,67%. Ví dụ, trong thuật ngữ *cá nhân kinh doanh lưu trú và nhân viên tổ chức du lịch trọn gói*, thuật tố thứ nhất chỉ loại, mang nghĩa khái quát nhất, bao hàm các thuật tố thứ hai, thứ ba, thứ tư đứng sau nó. Thuật tố thứ hai và thuật tố thứ ba kết hợp lại với nhau theo quan hệ chính phụ,

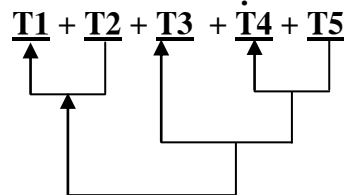
trong đó thuật tố thứ hai là thành tố chính, thuật tố thứ ba là thành tố phụ, cụ thể hóa về nghĩa cho thuật tố thứ hai. Tổ hợp các thuật tố hai và ba kết hợp với thuật tố thứ tư theo quan hệ chính phụ. Trong đó tổ hợp của thuật tố thứ hai và thuật tố thứ ba là thành tố chính, thuật tố thứ tư là thành tố phụ. Cuối cùng, để tạo ra TNDL hoàn chỉnh, tổ hợp của các thuật tố hai, ba và bốn kết hợp với thuật tố thứ nhất theo quan hệ chính phụ. Tổ hợp các thuật tố này là thành tố phụ đứng sau thuật tố thứ nhất là thành tố chính nhằm cụ thể hóa và làm rõ nghĩa của thuật tố thứ nhất.

8. Mô hình cấu tạo 8



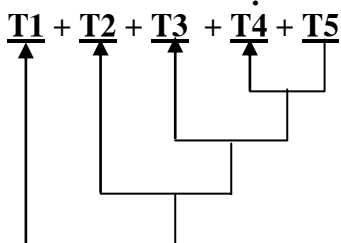
Kết quả khảo sát cho thấy không có TNDL tiếng Anh thuộc mô hình này. Có 05/1500 TNDL tiếng Việt có mô hình cấu tạo này, chiếm 0,33%. Ví dụ, trong thuật ngữ *khách du lịch quốc tế đi ra và cơ sở lưu trú du lịch hạng cao*, có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò thành tố chính, do tổ hợp các thuật tố thứ nhất, thứ hai và thứ ba tạo nên. Thành tố trực tiếp thứ hai đóng vai trò thành tố phụ, do tổ hợp các thuật tố thứ ba và thứ tư tạo thành. Có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò thành tố chính, do tổ hợp các thuật tố thứ nhất, thứ hai và thứ ba tạo nên. Thành tố trực tiếp thứ hai đóng vai trò thành tố phụ, do tổ hợp các thuật tố thứ ba và thứ tư tạo thành.

9. Mô hình cấu tạo 9



Kết quả khảo sát hai hệ thuật ngữ cho thấy, hệ TNDL tiếng Anh không có thuật ngữ nào có cấu tạo theo mô hình này. Có 16/1500 TNDL có mô hình cấu tạo như trên, chiếm 1,07%. Trong ví dụ, *khu nghỉ dưỡng gần bờ biển* và *chương trình du lịch theo mức giá cơ bản*, có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò thành tố chính, do tổ hợp các thuật tố thứ nhất và thứ hai tạo nên. Thành tố trực tiếp thứ hai đóng vai trò thành tố phụ, do tổ hợp gồm các thuật tố thứ ba, thứ tư và thứ năm tạo thành. Thành tố trực tiếp thứ nhất của thuật ngữ gồm thuật tố thứ nhất mang nghĩa khái quát, chỉ loại, đóng vai trò thành phần chính và thuật tố thứ hai đóng vai trò thành phần phụ, xác định về nghĩa cho thuật tố thứ nhất. Thành tố trực tiếp thứ hai của thuật ngữ gồm thuật tố thứ ba đóng vai trò thành phần chính kết hợp với thành phần phụ là tổ hợp gồm thuật tố thứ tư đóng vai trò chính và thuật tố thứ năm đóng vai trò phụ.

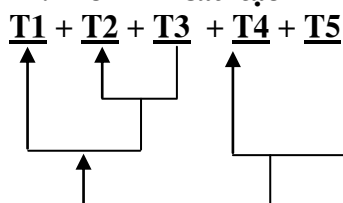
10. Mô hình cấu tạo 10



Kết quả khảo sát cho thấy, không có TNDL tiếng Anh nào được cấu tạo theo mô hình này. Trong tổng số 1500 TNDL tiếng Việt, có 19 thuật ngữ thuộc mô hình này, chiếm 1,27%. Ví dụ, trong thuật ngữ *đăng kí hoạt động kinh doanh lưu hành nội địa* và *quy trình làm thủ tục trả phòng* có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò thành tố chính, do thuật tố thứ nhất như *đăng kí*, *quy trình* đảm nhiệm. Thành tố trực tiếp thứ hai đóng vai trò thành tố phụ, do tổ hợp các thuật tố thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ năm tạo thành. Thành tố trực tiếp thứ hai của

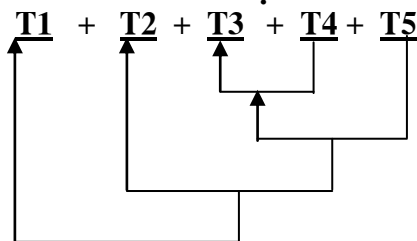
thuật ngữ lại có cấu tạo gồm tổ hợp thuật tố thứ hai đóng vai trò thành phần chính và tổ hợp các thuật tố thứ ba, thứ tư và thứ năm đóng vai trò thành phần phụ. Trong tổ hợp gồm các thuật tố thứ ba, thứ tư và thứ năm, thuật tố thứ ba đóng vai trò chính, tổ hợp thuật tố thứ tư và thứ năm đóng vai trò phụ. Cuối cùng, trong tổ hợp thuật tố thứ tư và thứ năm, thuật tố thứ 4 là thành phần chính, thuật tố thứ năm là thành phần phụ xác định nghĩa cho thuật tố thứ tư.

11. Mô hình cấu tạo 11



Kết quả khảo sát cho thấy, không có TNDL tiếng Anh nào được cấu tạo theo mô hình này. Trong tổng số 1500 TNDL tiếng Việt, có 07 thuật ngữ thuộc mô hình này, chiếm 0,47%. Ví dụ, trong thuật ngữ *hệ thống đặt chỗ trên máy tính giá rẻ và nhân viên khuôn vác hành lí khách sạn* có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò là thành phần chính, gồm thuật tố thứ nhất đóng vai trò thành phần chính kết hợp với tổ hợp thuật tố thứ hai và thứ ba là thành phần phụ. Trong tổ hợp thuật tố thứ hai và thứ ba, thuật tố thứ hai là thành phần chính và thuật tố thứ ba là thành phần phụ. Thành tố trực tiếp thứ hai của thuật ngữ đóng vai trò thành phần phụ, do tổ hợp các thuật tố thứ tư và thứ năm tạo thành, trong đó thuật tố thứ tư là thành phần chính, thuật tố thứ năm là thành phần phụ.

12. Mô hình cấu tạo 12



Kết quả khảo sát cho thấy, không có TNDL tiếng Anh nào được cấu tạo theo mô hình này. Trong tổng số 1500 TNDL tiếng Việt, có 08 thuật ngữ thuộc mô hình nói trên, chiếm 0,53%. Trong ví dụ *cơ sở đại lý bán lẻ du lịch* và *đăng kí hạng cơ sở du lịch trực tiếp* có thể được phân ra thành hai thành tố trực tiếp gồm: thành tố trực tiếp thứ nhất đóng vai trò là thành phần chính, do thuật tố thứ nhất đảm nhận. Thành tố trực tiếp thứ hai của thuật ngữ đóng vai trò thành phần phụ, do thuật tố thứ hai kết hợp với tổ hợp các thuật tố thứ ba, thứ tư và thứ năm tạo thành. Trong tổ hợp các thuật tố thứ ba, thứ tư và thứ năm, thuật tố thứ năm là thành phần phụ, xác định nghĩa cho tổ hợp thuật tố thứ ba và thứ tư là thành phần chính. Trong tổ hợp các thuật tố thứ ba và thứ tư, thuật tố thứ ba đóng vai trò là thành phần chính, thuật tố thứ tư là thành phần phụ.

3. Như vậy, xét về mô hình cấu tạo thuật ngữ, chúng ta thấy rằng, trật tự các thuật tố cấu tạo thuật ngữ theo một nguyên tắc nhất định từ khái quát đến cụ thể, thuật tố trên bao hàm thuật tố dưới. Trong tiếng Việt, thuật tố thứ nhất là thuật tố khái quát nhất, các thuật tố tiếp theo cụ thể dần các đặc điểm, tính chất, thuộc tính của thuật ngữ ấy. Còn trong tiếng Anh, theo quy tắc ngữ pháp tiếng Anh thành phần phụ làm định ngữ đứng trước, còn danh từ chính được định ngữ đứng sau nên thuật tố đứng sau cùng bao giờ cũng là thuật tố khái quát nhất, đóng vai trò trung tâm và định danh thuật ngữ.

Kết quả khảo sát cho thấy, hệ TNDL được cấu tạo từ 12 mô hình. Trong đó, hệ TNDL tiếng Anh được cấu tạo từ 5 mô hình và TNDL tiếng Việt được cấu tạo theo 12 mô hình. Năm mô hình cấu tạo gồm 5 thuật tố kết hợp với nhau theo quan hệ chính phụ

và theo nhiều tầng bậc chỉ có ở TNDL Việt mà không có trong TNDL tiếng Anh là do đặc điểm loại hình ngôn ngữ của từ trong tiếng Việt và tiếng Anh quy định như đã nêu ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình hướng dẫn du lịch*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bích Hà (2004), *Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thương mại Nhật Việt*, Nxb KHXH, H.
3. Đinh Trung Kiên (2001), *Nghệ thuật hướng dẫn du lịch*, Nxb ĐHQG HN.
4. Mai Thị Loan (2011), *Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ sở hữu trí tuệ tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ, Học viện Khoa học - Xã hội.
5. Trần Thị Mai (2009), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, Nxb Lao động.
6. Vũ Đức Minh (2009), *Giáo trình tổng quan về du lịch*, Nxb Thống kê.
7. Bùi Xuân Nhàn (2009), *Giáo trình Marketing du lịch*, Nxb Thống kê.
8. Nguyễn Đức Tồn (2012), *Nghiên cứu, khảo sát thuật ngữ tiếng Việt phục vụ cho việc xây dựng Luật ngôn ngữ ở Việt Nam*, Công trình cấp bộ, Mã số: CT 11-13 – 02).
9. Bùi Thanh Thủy (2009), *Giáo trình Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch*, Nxb ĐHQG. Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Tú (2005), *Giáo trình Nghiệp vụ khách sạn- nhà hàng*, Nxb Thống kê.
11. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2005), *Giáo trình Nghiệp vụ Lễ tân khách sạn*, Nxb Thanh niên.